

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 21/4/2023
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Bà Cao Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 01/2023/TB-TA ngày 17/3/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Như Y**, sinh năm: 1984. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: Số M, khóm M, ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hoài T**, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ H, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Lê Thị Như Y trình bày:**

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Y và anh Nguyễn Hoài T tự nguyện tìm hiểu yêu thương được 4 năm thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộ 25 vào năm 2008, đến ngày 20/10/2008 chị Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị Y.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, vì anh T là con trai một nên vợ chồng sống cùng nhà với cha mẹ chồng, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thay đổi tính tình anh T thường đi chơi cùng bạn bè, tụ tập đánh bài tới khuya mới về nhà, chị Y nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi tính xấu dẫn đến vợ chồng gây gổ. Mặt khác anh T có tính gia trưởng mọi việc liên quan đến tiền bạc anh T điều tự quyết không bàn bạc với chị Y, tiền anh T làm ra thì anh tự cất riêng, chi xài như thế nào chị Y không biết, nhưng tiền lương chị Y lãnh hàng tháng phải phụ góp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đưa vào sinh hoạt chung của gia đình, có những lúc chị Y hỏi đến vấn đề tiền bạc anh T không trả lời, vợ chồng gây gổ thì anh T đánh đánh chị, dùng tay tát vào mặt vào đầu chị Y. Cứ mỗi lần vợ chồng gây gổ anh T lại đánh chị, sự việc này có má chồng (bà Nguyễn Thị T) chứng kiến và can ngăn. Việc anh T nhiều lần đánh chị Y, chị không có đến trình báo với chính quyền địa phương vì chị thấy ngại và cũng không muốn làm lớn chuyện sợ ảnh hưởng đến gia đình và các con. Đồng thời anh T rất ích kỷ, khi chị Y mua sắm quần áo cho bản thân thì anh T cũng có ý kiến khó chịu, cho rằng chị xài phung phí, xét nét từng chút một và gây gổ rồi đánh chị, trong đời sống chung vợ chồng anh T không tôn trọng chị Y anh thường dùng những lời lẽ thô tục để chửi mắng chị.

Tháng 5/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ việc anh T thường xuyên đánh chị mỗi lần gây gổ nên chị Y đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ số 190 khóm M, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến khoảng tháng 11/2020 thì anh T đến gặp chị xin lỗi và mong muốn chị về đoàn tụ để cùng anh nuôi con, vì thương con còn nhỏ nên chị về đoàn tụ lại với anh T. Nhưng cuộc sống chung vẫn không hạnh phúc.

Tháng 5/2022 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai bên gia đình đã nhiều lần can thiệp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Trước Tòa án chị Y xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoài T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày 28/9/2009; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/10/2012 và Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 14/3/2016. Hiện nay các con chung đang ở với anh T tại ấp H, xã H, huyện T. Khi ly hôn chị Y yêu cầu được nuôi cháu T, cháu A và cháu D. Tạm thời chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị Y đang sống cùng nhà với mẹ đẻ tại khóm M, ấp B, xã L, huyện T và làm công nhân tại công ty PouSung, thu nhập trung bình mỗi tháng là 13.000.000 đồng. Chị Y có chỗ ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết, xét xử, bị đơn anh Nguyễn Hoài T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị Y quen biết nhau hai năm và đi đến kết hôn được UBND xã Lộ 25 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 20/10/2008, đây là hôn nhân lần đầu của anh T.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng sáu năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Y muốn nắm quyền trong gia đình, không chịu làm việc nhà. Chị Y ít quan tâm đến con cái, việc đưa đón các cháu đi học là do bà Nội đưa đi đón về. Chị Y thích làm theo ý mình, không quan tâm đến công việc chung của gia đình. Mỗi lần cãi nhau thì chị Y bỏ về nhà gia đình ngoại, chị đi đâu, làm gì thì anh T không biết. Khoảng vài năm gần đây, anh được biết chị Y có qua lại tình cảm với một người đàn ông tên L. Anh T đã bắt gặp hai người thân mật đi trên đường nên không kìm chế được tức giận đã tát hai cái vào mặt chị Y. Ngoài ra, anh T không đánh chị Y lần nào khác. Hai bên vợ chồng cũng đã ngồi lại để nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được vấn đề gì và cũng không có khả năng đoàn tụ được.

Năm 2022 chị Y bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã L sinh sống, đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân.

Tại Tòa án chị Y xin ly hôn anh T thuận tình.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 03 người con chung như chị Y khai là đúng, các con chung gồm Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày 28/9/2009; cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 14/3/2016. Hiện nay các con chung đang ở với anh T tại ấp H, xã H, huyện T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu T, cháu A và cháu D. Tạm thời anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh T đang sống cùng nhà với mẹ đẻ tại tổ H, ấp H, xã H, huyện T và làm công việc chăm sóc cây cảnh tại vườn ươm “Tuyên Mão” tại ấp B, xã L. Thu nhập tiền lương trung bình mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Ngoài ra, anh T có xe chở hàng nông sản để chạy kiếm thêm thu nhập và thu hoạch hoa trái trong vườn nhà theo mùa. Anh T có chỗ ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con các con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Như Y được ly hôn với anh Nguyễn Hoài T.

+ Về con chung: Giao ba con chung cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Hoài T cư trú tại tổ H, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Như Y và anh Nguyễn Hoài T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 20/10/2008. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T được công nhận là hợp pháp.

Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Y khởi kiện xin ly hôn anh T. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 đang có hiệu lực thi hành, việc kết hôn của chị Y và anh T cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa chị Y và anh T đều thừa nhận vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, thường xuyên gây gỗ đánh đập nhau nên vợ chồng thuận tình ly hôn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Y và anh T chung sống có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày: 28/9/2009; cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 20/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày: 14/3/2016.

Tại phiên tòa chị Y và anh T đều tranh chấp về việc nuôi con chung không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, hội đồng xét xử nhận định:

Chị Y và anh T đều có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Cháu T đang học lớp 8, trường phổ thông cơ sở Lý Tự Trọng, địa chỉ xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; cháu A học lớp 5, cháu D học lớp 01 cùng trường Hoàng Văn Thụ; địa chỉ xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Năm 2022 chị Y về sống cùng với cha mẹ ruột tại địa chỉ số 190 khóm M, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, các cháu T, A, D vẫn sống cùng với anh T và bà nội (bà T), được bà T và anh T chăm sóc tốt, đưa đón đi học. Vì vậy để đảm bảo cho các cháu ổn định về chỗ ở, học tập, việc phát triển tâm sinh lý về thể chất và tinh thần hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao các cháu T, A và D cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của các cháu sống cùng với anh T và bà nội.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Như Y và anh Nguyễn Hoài T không tranh chấp, nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.
- Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Như Y.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Như Y và anh Nguyễn Hoài T.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy T, sinh ngày 28/9/2009; cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 20/10/2012 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 14/3/2016 cho anh Nguyễn Hoài T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời chị Lê Thị Như Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Như Y được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008948 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị Y đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã L (105/2008);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Kim Đó

